

Bản án số: 08/2024/DS- ST
Ngày 22/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn

Ông Nguyễn Văn Thụ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST- DS ngày 03/11/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Hà Thị C (Hà Thị H), sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Anh Vũ Văn H, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2-Chị Phùng Thị S, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Vũ Văn C trình bày: Do có nhu cầu mua đất và có người giới thiệu nên anh có đến gia đình bà Hà Thị C (tức bà H) trao đổi việc mua bán đất. Sau quá trình thương thảo, bà C đưa anh đi xem đất thực tế và bà C đồng ý bán cho anh diện tích đất 450m² (trong đó có 210m² đất ở thổ cư và 240m² đất

vườn CLN) có 15m mặt đường bê tông bám mặt đường TL 293 và chiều sâu là 30m đã trừ hành lang giao thông, có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Nam giáp nhà ông Sinh.
- Phía Đông giáp mặt đường bê tông.
- Phía Bắc giáp nhà bà C
- Phía Tây giáp nhà bà C

Theo bà C cung cấp thì diện tích 450m² đất trên nằm trong diện tích đất 1224m² mà bà C được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng quyền sử dụng đất số 01175 QSDĐ/ QĐ số 633 QĐ – CT (H) ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Văn D được sang tên cho bà Hà Thị H (tức bà Hà Thị C) vào ngày 27/01/2012

Hai bên thỏa thuận giá trị mua bán là: 1.490.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng)

Anh C đã đặt cọc trước 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) và hai bên có làm hợp đồng đặt cọc vào ngày 29/3/2022, khi làm hợp đồng đặt cọc có người làm chứng là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ thường trú thôn Đông, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nội dung hợp đồng thể hiện thời gian đặt cọc là 40 ngày kể từ ngày 29/3/2022 đến ngày 08/5/2022 thì anh thanh toán nốt số tiền còn lại. Trường hợp một trong các bên không thực hiện việc chuyển nhượng thì sẽ bị phạt cọc gấp 04 (bốn) lần số tiền đã đặt cọc.

Tuy nhiên, đến hạn như trong hợp đồng đặt cọc anh cầm nốt số tiền còn lại đến yêu cầu bà C thực hiện việc chuyển nhượng, nH bà C không thực hiện. Và anh phát hiện được diện tích đất 450m² mà bà C thỏa thuận bán cho anh trên thực tế không đúng với diện tích đất mà bà C được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi làm việc với cơ quan địa chính xã V, anh phát hiện diện tích đất 450m² đất bà C bán cho anh nếu theo giấy tờ thì không tiếp giáp mặt đường nên không thể làm được thủ tục phân lô tách thửa để làm thủ tục chuyển nhượng đất. Anh có thông báo đến bà C và yêu cầu bà C hoàn trả lại anh số tiền cọc nH bà C không thực hiện. Anh có đến đòi tiền đã đặt cọc nhiều lần nH bà C không trả.

Nay anh C yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị C trả số tiền đặt cọc là: 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là: 400.000.000 đồng, theo giấy biên nhận đặt cọc đất ngày 29/3/2022 và thanh toán trả lãi chậm trên số tiền tổng cộng 500.000.000 đồng thanh toán từ ngày 08/5/2022 cho đến ngày bà Hà Thị C trả hết tiền cọc trên theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Hà Thị C trình bày: Gia đình bà có 01 mảnh đất ở Thôn T, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do gia đình bà khai phá năm 1988 có diện tích hơn 2000 m² nằm sát đường bê tông đi từ xã V hướng đi Đông Triều. Năm 2001 UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình

nhà bà mang tên hộ ông Vũ Văn D (là tên chồng bà) với diện tích được cấp là 1224 m² (diện tích này nằm trong tổng diện tích hơn 2000 m² đất mà gia đình bà khai hoang khai hóa). Số diện tích còn lại khoảng hơn 776m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 bà không rõ lý do tại sao. NH đến năm 2018 địa chính xã đã vào đo đạc lại toàn bộ diện tích 2000 m² mà gia đình bà đang quản lý sử dụng từ năm 1988 (bao gồm cả 1224m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 776m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và đã có trên sơ đồ địa chính xã V.

Ngày 29/3/2023 do có nhu cầu bán đất lấy tiền cho con trai làm ăn nên bà đã thỏa thuận bán 450m² đất nằm trong diện tích hơn 776m² đất tiếp giáp mặt đường bê tông chưa được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích khoảng hơn 776m² đất này nằm tiếp giáp với diện tích đất 1224m² đất gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 mang tên hộ ông Vũ Văn D (hiện đã được sang tên cho Hà Thị H (tức Hà Thị C) ngày 27/02/2012. Sau khi hai bên ra xem đất thực tế thì đã thỏa thuận giá bán diện tích 450m² (gồm 15m tiếp giáp mặt đường, chiều sâu 30m) trên là 1.490.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng). Sau khi ra xem đất bà có nói rõ với anh C là diện tích 450m² trên chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà có đưa cho anh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản phô tô) trên diện tích 1224m² đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng ngày hôm đó hai bên lập hợp đồng đặt cọc thỏa thuận bên anh C sẽ đặt cọc cho bà 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để bà đi rút sổ đỏ đang thế chấp tại ngân hàng về. Sau đó trong vòng 40 ngày hai bên sẽ thực hiện sang tên, tách thửa và anh C sẽ trả nốt bà số tiền còn lại là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Khi đó, do hiểu biết pháp luật ít nên bà có thỏa thuận với anh C là bên anh C sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục tách thửa, sang tên đất còn bà chỉ chịu trách nhiệm ký sang tên đất. Sau khoảng ngoài 40 ngày thì anh C gọi điện thông báo và đến nhà đòi lại số tiền cọc 100.000.000 đồng với lý do diện tích 450 m² mà bà bán không đủ điều kiện làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện số tiền 100.000.000 đồng anh C đặt cọc bà đã đem trả ngân hàng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc về theo yêu cầu của anh C. Do đó anh C yêu cầu bà trả lại số tiền 100.000.000 đồng bà không nhất trí. Về số tiền 400.000.000 đồng phạt cọc theo đơn khởi kiện của anh C, bà cho rằng trong việc mua bán này bà không có lỗi nên bà cũng không nhất trí trả. Bà C đề nghị anh C tiếp tục thực hiện hợp đồng như hai bên đã thỏa thuận và hoàn thiện nốt thủ tục giấy tờ đất đã mua bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phùng Thị S trình bày: Chị S là vợ anh Vũ Văn C. Chồng chị là anh C có mua đất của bà C và đã đặt cọc cho bà C 100.000.000 đồng nH hai bên không

làm được thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân như thế nào chị không nắm được. Chị S chỉ biết anh C mua đất của bà C và đã đặt tiền cọc. Nay hai bên không sang tên và chuyển nhượng đất cho nhau được nên anh C khởi kiện bà C đòi lại tiền đặt cọc, theo chị S số tiền anh C đặt cọc cho bà C 100.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng chị, tuy nhiên khi đặt cọc tiền cho bà C chỉ có chồng chị (anh C) ký nhận và đặt cọc cho bà C (H), nay theo yêu cầu khởi kiện của anh C, chị S đề nghị Toà án buộc bà C phải trả lại cho vợ chồng chị số tiền trên. Trong hợp đồng hai bên có thoả thuận về phạt cọc chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị S không có yêu cầu gì khác.

Anh Vũ Văn H trình bày: Anh H là con trai bà C (H) anh có biết việc mẹ anh là bà C có bán đất ở cho anh C, khi hai bên ký hợp đồng đặt cọc anh đi làm xa không có nhà mà chỉ nghe qua điện thoại do anh C trao đổi nói với anh đất của bà H anh C phải về mới làm việc được, nH do công việc bận anh không thể về được, anh cũng không nhớ lúc đó anh có nói gì với anh C không. Sau này anh có được anh C cho biết đã làm việc với mẹ anh (bà C) xong và mẹ anh nói với anh đã nhận tiền đặt cọc của anh C khoảng 90-100 triệu đồng, số tiền này mẹ anh là người sử dụng, anh không được tiêu đồng nào. Khi đó gia đình anh vẫn còn nợ Ngân hàng nên mẹ anh đã nộp vào Ngân hàng để lấy GCNQSDĐ về giao cho anh C (Giấy CNQSDĐ phô tô) để đi làm thủ tục tách thửa, còn bản chính mẹ anh vẫn đang quản lý. Nay anh C không làm được thủ tục tách thửa thì anh không nắm được, toàn bộ giấy tờ khi mẹ anh bán đất cho anh C hai bên thoả thuận là do anh C chịu trách nhiệm, mẹ anh chỉ biết ký các thủ tục cho anh C. Nay anh C khởi kiện mẹ anh đòi 100.000.000 đồng anh không nhất trí vì hiện tại đất vẫn giữ nguyên và gia đình anh vẫn muốn bán cho anh C, diện tích đất anh C mua của gia đình anh không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp, nH gia đình anh vẫn đang quản lý và sử dụng. Khi anh C mua đất gia đình anh đã nói rõ diện tích đất anh C đặt cọc để mua chưa được cấp GCNQSDĐ nH anh C vẫn mua, nay anh C không làm được giấy chứng nhận và kiện đòi tiền cọc anh không nhất trí.

Tại phiên tòa anh C đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt cọc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Anh yêu cầu bà C trả lại trả vợ chồng anh số tiền 100.000.000 đồng đã đặt cọc vì đây là tài sản chung của vợ chồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bà Hà Thị C và anh Vũ Văn H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn C:

Buộc bà Hà Thị C (Hà Thị H) phải trả cho anh Vũ Văn C và chị Phùng Thị S 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền đặt cọc.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Vũ Văn C về việc yêu cầu bà Hà Thị C (H) trả số tiền phạt cọc 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng).

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Hà Thị C (H).

Trả lại anh Vũ Văn C số tiền 12.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Hà Thị C có địa chỉ tại: Thôn T, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Phùng Thị S nH đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

Tại phiên tòa anh Vũ Văn C xin rút yêu cầu buộc bà Hà Thị C (H) trả cho anh tiền phạt cọc 400.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh C là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu đòi tiền phạt cọc là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Vũ Văn C trình bày ngày 29/3/2022 anh C và bà Hà Thị C (H) có làm hợp đồng đặt cọc có nội dung anh C đặt cọc cho bà C (H) số tiền 100.000.000 đồng để bà C (H) thực hiện việc tách thửa đối với thửa đất tờ bản đồ sốsố thửa.....diện tích 1224m² có địa chỉ: Thôn Đồng Quân, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01175 QSDĐ/ QĐ số 633 QĐ– CT (H) ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Văn D được sang tên cho bà Hà Thị H (tức bà Hà Thị C) vào ngày 27/01/2012. Trong hợp đồng đặt

cọc có thể hiện bên A (bà C) bán cho bên B (anh C) diện tích đất thổ cư và đất vườn sau khi tách sổ là 15m mặt đường, chiều sâu 30m theo sổ ghi đã trừ hành lang giao thông (trong đó có 210m² đất thổ cư, còn lại 240m² đất vườn), phía đông giáp mặt đường bê tông, phía nam giáp nhà ông Sinh, phía Bắc và phía Tây giáp nhà bà C, giá thỏa thuận chuyển nhượng là 1.490.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau khi ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh C sẽ giao cho bà C số tiền còn lại là 1.390.000.000 đồng, anh C đã giao đủ số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho bà C nhận, có ông Nguyễn Văn T chứng kiến và ký tên vào hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2022. Theo nội dung hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2022 thể hiện tại thời điểm nhận cọc thì thửa đất chưa tách thửa, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 40 ngày (từ ngày 29/3/2022 đến ngày 08/5/2022) hai bên sẽ làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi thủ tục công chứng hoàn tất, bên B (anh C) phải giao đủ số tiền còn lại cho bên A (bà C). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh C phát hiện phần diện tích đất chuyển nhượng giữa anh và bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể thực hiện được việc tách sổ cũng như làm các thủ tục sang tên cho anh C được. Bà C cho rằng khi làm hợp đồng đặt cọc bà đã nói rõ cho anh C biết diện tích đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu anh C làm được GCNQSDĐ thì bà sẽ ký kết các thủ tục cho anh C vì bà là người không hiểu biết nên tin tưởng anh C. HĐXX xét thấy việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên đều có lỗi, bởi lẽ bà C biết diện tích đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy CNQSDĐ nH vẫn ký hợp đồng đặt cọc; về phía anh C khi lập hợp đồng đặt cọc không xem xét kỹ diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà C đã đủ điều kiện chuyển nhượng hay chưa mà chỉ xem qua giấy CNQSDĐ (phô tô) không có chứng thực do vậy không thực hiện được hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy, cả hai bên đều có lỗi khi thực hiện hợp đồng đặt cọc ngày 23/9/2022 giữa bà Hà Thị C và anh Vũ Văn C.

Về yêu cầu trả tiền đặt cọc: Tại phiên tòa, anh C trình bày số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc là tài sản chung của anh và chị Phùng Thị S, anh chỉ yêu cầu bà C (H) trả lại số tiền cho vợ chồng anh mà anh đã đặt cọc cho bà C (H) là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), ngoài ra anh không có bất cứ yêu cầu nào khác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về đặt cọc: “*Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền....*”, anh C đã giao cho bà C (H) 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền đặt cọc, nH do các bên đều có lỗi dẫn đến không thực hiện được hợp đồng đặt cọc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh C, buộc bà Hà Thị C (H) phải trả lại cho anh Vũ Văn C và chị Phùng Thị S 100.000.000 đồng tiền đặt cọc là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh C được chấp nhận, nên không phải chịu án phí DSSS; bà Hà Thị C là người cao tuổi được miễn toàn bộ tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn C:

Buộc bà Hà Thị C (Hà Thị H) phải trả cho anh Vũ Văn C và chị Phùng Thị S 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền đặt cọc.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Vũ Văn C về việc yêu cầu bà Hà Thị C (H) trả số tiền phạt cọc 400.000.000 (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Hà Thị C (Hà Thị H)

Trả lại anh Vũ Văn C số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007912 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp

